

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 24 – 5 - 2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà PTG, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 06, khóm Vĩnh An, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông TVS, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 06, khóm Vĩnh An, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà PTG trình bày:

Bà và ông TVS do quen biết, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1995, vợ chồng chung sống đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 129, ngày 24/5/2005. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà và ông S ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông TVS.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung, nhưng con chung tên Trần Văn Quý đã chết, hiện 02 con chung tên Trần Kim Trọng, sinh ngày 29/6/1997, hiện nay Trọng đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, không yêu cầu Toà án giải quyết và Trần Kim Lắm, sinh ngày 01/8/2004 đã có gia đình, đang mang thai sắp sinh con, đang sinh sống quê chồng ở thành phố Cần Thơ và có khả năng lao động được, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông TVS trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà PTG về quan hệ hôn nhân, con chung và về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Ông S đồng ý ly hôn với bà G.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà G vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông S, về con chung không yêu cầu Toà án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông S: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ biên bản lấy lời khai của bị đơn ông S, biên bản xác minh tại địa phương thể hiện giữa ông G và bà S có mâu thuẫn, ông G đồng ý ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà G và ông S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, cho bà G được ly hôn ông S. Về con chung và về tài sản chung, nợ chung do bà G và ông S không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà PTG khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông TVS, tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà G:

Bà G và ông S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129, ngày 11/12/2008 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử căn cứ biên bản lấy lời khai của bị đơn ông S xác định vợ chồng có mâu thuẫn, ông S đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà G kiên quyết ly hôn, vì bà G cho rằng cuộc sống vợ chồng của ông bà không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ được. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà PTG là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà PTG.

[2.2] Về con chung: Bà G trình bày có 03 con chung nhưng có một con chung tên Trần Văn Quý đã chết, hiện còn lại 02 con chung tên Trần Kim Trọng, sinh ngày 29/6/1997, các con chung tên Trọng đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Trần Kim Lắm, sinh ngày 01/8/2004, đã có gia đình đang mang thai sắp sinh con, đang sinh sống quê chồng ở thành phố Cần Thơ và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn PTG, bà PTG được ly hôn với ông TVS.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129, ngày 11/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang cấp cho ông TVS và bà PTG không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Kim Trọng, sinh ngày 29/6/1997 và Trần Kim Lắm, sinh ngày 01/8/2004 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà PTG phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003567 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Bà PTG có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông TVS vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã VTT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh